

KẾT QUẢ HỘI THI GIÁO VIÊN DẠY GIỎI CẤP QUẬN  
CẤP THCS NĂM HỌC 2023 - 2024

| STT | Họ và tên giáo viên     | Nữ | Năm sinh | Trường          | Khối lớp dự thi | Môn thi   | Ghi chú |
|-----|-------------------------|----|----------|-----------------|-----------------|-----------|---------|
| 1   | Trương Thị Hoàng Lam    | X  | 1993     | Nguyễn Văn Nghi | 7               | KHTN      |         |
| 2   | Nguyễn Thị Hoàng Thương | X  | 1986     | Lý Tự Trọng     | 7               | Âm nhạc   |         |
| 3   | Trần Đình Anh Kim       |    | 1989     | Nguyễn Du       | 7               | Tin học   |         |
| 4   | Trần Trung Khánh        |    | 1976     | Quang Trung     | 8               | Công nghệ |         |
| 5   | Cao Viễn Kiều           | X  | 1990     | Phan Văn Trị    | 6               | KHTN      |         |
| 6   | Trần Thị Thanh Huyền    | X  | 1992     | Trường Sơn      | 7               | Tin học   |         |
| 7   | Nguyễn Thị Tâm          | X  | 1993     | Thông Tây Hội   | 6               | KHTN      |         |
| 8   | Lê Thái Đăng Khoa       |    | 1993     | Tân Sơn         | 8               | Tiếng Anh |         |
| 9   | Nguyễn Thị Thắm         | X  | 1989     | Huỳnh Văn Nghệ  | 7               | Tin học   |         |
| 10  | Đào Thị Tuyết Nhung     | X  | 1974     | Quang Trung     | 9               | Âm nhạc   |         |
| 11  | Trịnh Thị Nhung         | X  | 1985     | Gò Vấp          | 6               | Mĩ thuật  |         |
| 12  | Nguyễn Hoàng Vũ         |    | 1985     | Lý Tự Trọng     | 8               | Công nghệ |         |
| 13  | Lê Thị Minh Tâm         | X  | 1985     | Gò Vấp          | 7               | Mĩ thuật  |         |
| 14  | Nguyễn Lê Hồng Phương   | X  | 1990     | Phan Tây Hồ     | 8               | Tiếng Anh |         |
| 15  | Nguyễn Tri Thị Tâm      | X  | 1974     | Lý Tự Trọng     | 9               | Tin học   |         |
| 16  | Trịnh Thị Mai Ly        | X  | 1997     | Phan Văn Trị    | 8               | KHTN      |         |
| 17  | Đào Thị Vân Thanh       | X  | 1986     | Lý Tự Trọng     | 7               | GDTC      |         |
| 18  | Nguyễn Đức Lợi          |    | 1989     | Tân Sơn         | 8               | Tin học   |         |
| 19  | Nguyễn Thị Hường        | X  | 1987     | Quang Trung     | 7               | GDTC      |         |
| 20  | Ngô Ngọc Thắm           | X  | 1993     | Nguyễn Trãi     | 7               | GDTC      |         |
| 21  | Đinh Văn Đại            |    | 1978     | Nguyễn Du       | 6               | GDTC      |         |
| 22  | Nguyễn Thị Tuyết Hồng   | X  | 1983     | Nguyễn Trãi     | 6               | Âm nhạc   |         |
| 23  | Trần Quốc Tuấn          |    | 1988     | Tân Sơn         | 6               | GDTC      |         |
| 24  | Đoàn Thị Bích Phượng    | X  | 1989     | Lý Tự Trọng     | 7               | Mĩ thuật  |         |
| 25  | Đỗ Thị Hải Yến          | X  | 1992     | Nguyễn Du       | 8               | KHTN      |         |
| 26  | Nguyễn Hoàng Thiên Vân  | X  | 1991     | Phan Tây Hồ     | 6               | Toán      |         |
| 27  | Lý Văn Vinh             |    | 1989     | Nguyễn Du       | 7               | GDTC      |         |
| 28  | Nguyễn Ngọc Lâm         |    | 1989     | Nguyễn Văn Nghi | 8               | GDTC      |         |
| 29  | Nguyễn Khắc Hoàng Danh  |    | 1994     | Gò Vấp          | 7               | KHTN      |         |
| 30  | Nguyễn Thị Hoa          | X  | 1989     | Tân Sơn         | 8               | Địa lí    |         |
| 31  | Nguyễn Điền Khắc Duy    |    | 1988     | Lý Tự Trọng     | 6               | Lịch sử   |         |
| 32  | Nguyễn Thị Thanh Tú     | X  | 1994     | Phan Văn Trị    | 6               | GDTC      |         |
| 33  | Ngô Quang Minh          | X  | 1982     | Nguyễn Trãi     | 6               | Mĩ thuật  |         |
| 34  | Đào Thị Loan            | X  | 1978     | Phan Văn Trị    | 6               | Âm nhạc   |         |
| 35  | Huỳnh Thị Minh Sang     | X  | 1995     | Nguyễn Du       | 6               | KHTN      |         |
| 36  | Nguyễn Thị Hồng Diệp    | X  | 1973     | Nguyễn Du       | 9               | Lịch sử   |         |
| 37  | Nguyễn Văn Nam          |    | 1991     | Nguyễn Trãi     | 9               | GDTC      |         |





| STT | Họ và tên giáo viên     | Nữ | Năm sinh | Trường          | Khối lớp dự thi | Môn thi   | Ghi chú |
|-----|-------------------------|----|----------|-----------------|-----------------|-----------|---------|
| 38  | Nguyễn Thị Minh Yến     | X  | 1993     | Gò Vấp          | 6               | Lịch sử   |         |
| 39  | Chu Thị Hải             | X  | 1987     | Phan Tây Hồ     | 7               | GD&ĐT     |         |
| 40  | Nguyễn Thị Hương Giang  | X  | 1995     | Quang Trung     | 7               | KHTN      |         |
| 41  | Nguyễn Thị Kim Khanh    | X  | 1978     | Huỳnh Văn Nghệ  | 7               | Công nghệ |         |
| 42  | Ba Văn Luận             |    | 1978     | Nguyễn Trãi     | 7               | Địa lí    |         |
| 43  | Nguyễn Thị Anh Tú       | X  | 1991     | Quang Trung     | 6               | Toán      |         |
| 44  | Nguyễn Mạnh Hiếu        |    | 1989     | Thông Tây Hội   | 7               | Địa lí    |         |
| 45  | Trần Thị Hồng Sáu       | X  | 1985     | Nguyễn Du       | 7               | GD&ĐT     |         |
| 46  | Nguyễn Ngọc Huỳnh Trâm  | X  | 1996     | Nguyễn Trãi     | 6               | KHTN      |         |
| 47  | Phạm Thị Tố Như         | X  | 1978     | Nguyễn Trãi     | 8               | Ngữ văn   |         |
| 48  | Nguyễn Văn Thủy         |    | 1982     | Phạm Văn Chiêu  | 8               | Tin học   |         |
| 49  | Bùi Thị Mỹ Nương        | X  | 1991     | Quang Trung     | 9               | Hóa học   |         |
| 50  | Trần Thị Ngọc Huyền     | X  | 1990     | Lý Tự Trọng     | 8               | GD&ĐT     |         |
| 51  | Lê Hoàng Sang           |    | 1988     | Nguyễn Trãi     | 9               | GD&ĐT     |         |
| 52  | Huỳnh Yến Linh          | X  | 1984     | Quang Trung     | 8               | Mĩ thuật  |         |
| 53  | Huỳnh Thị Thanh Trúc    | X  | 1986     | Trường Sơn      | 8               | Tin học   |         |
| 54  | Huỳnh Thị Giáng Quyên   | X  | 1985     | Phan Tây Hồ     | 9               | Ngữ văn   |         |
| 55  | Vũ Thị Huyền Trang      | X  | 1996     | An Nhơn         | 7               | Địa lí    |         |
| 56  | Nguyễn Thị Hoàng Oanh   | X  | 1987     | Nguyễn Văn Trỗi | 7               | Ngữ văn   |         |
| 57  | Nguyễn Thị Kim Linh     | X  | 1968     | Quang Trung     | 8               | Tiếng Anh |         |
| 58  | Lê Minh Hoa             | X  | 1988     | Lý Tự Trọng     | 6               | Ngữ văn   |         |
| 59  | Trịnh Thúy An           | X  | 1984     | Nguyễn Du       | 6               | Ngữ văn   |         |
| 60  | Nguyễn Tấn Càng         |    | 1986     | Quang Trung     | 6               | GD&ĐT     |         |
| 61  | Mai Văn Kính            |    | 1989     | Tân Sơn         | 6               | GD&ĐT     |         |
| 62  | Phan Thị Khánh Linh     | X  | 1978     | Nguyễn Du       | 8               | Địa lí    |         |
| 63  | Nguyễn Thị Hiền         | X  | 1993     | Tân Sơn         | 8               | KHTN      |         |
| 64  | Bùi Thị Khoen           | X  | 1985     | Nguyễn Trãi     | 6               | GD&ĐT     |         |
| 65  | Tô Thị Tố Như           | X  | 1991     | Phan Tây Hồ     | 9               | Hóa học   |         |
| 66  | Cao Thị Hội             | X  | 1988     | Nguyễn Văn Nghi | 8               | Địa lí    |         |
| 67  | Trương Quang Bảo        |    | 1997     | Trường Sơn      | 8               | Ngữ văn   |         |
| 68  | Trần Thị Hoan           | X  | 1982     | Nguyễn Du       | 6               | Âm nhạc   |         |
| 69  | Nguyễn Hải Ngọc Tố Nga  | X  | 1989     | Nguyễn Trãi     | 6               | Toán      |         |
| 70  | Hoàng Thị Ngọc Khuyên   | X  | 1984     | Phan Văn Trị    | 8               | Lịch sử   |         |
| 71  | Nguyễn Ngọc Phương Thủy | X  | 1998     | An Nhơn         | 6               | Tiếng Anh |         |
| 72  | Hà An Phú               |    | 1989     | Lý Tự Trọng     | 8               | KHTN      |         |
| 73  | Nguyễn Thị Hồng Tươi    | X  | 1987     | Phạm Văn Chiêu  | 7               | Ngữ văn   |         |
| 74  | Lê Thành Minh           |    | 1986     | Nguyễn Văn Trỗi | 9               | GD&ĐT     |         |
| 75  | Hồ Thị Mộng Đẹp         | X  | 1982     | Phan Văn Trị    | 7               | Ngữ văn   |         |
| 76  | Lâm Thị Thúy Hồng       | X  | 1988     | Nguyễn Văn Trỗi | 6               | Toán      |         |
| 77  | Nguyễn Thống            |    | 1986     | Phan Văn Trị    | 7               | GD&ĐT     |         |
| 78  | Bùi Thị Phương Lan      | X  | 1976     | Phan Tây Hồ     | 6               | Tin học   |         |

| STT | Họ và tên giáo viên    | Nữ | Năm sinh | Trường          | Khối lớp dự thi | Môn thi   | Ghi chú |
|-----|------------------------|----|----------|-----------------|-----------------|-----------|---------|
| 79  | Trần Thị Hồng Lê       | X  | 1981     | Nguyễn Văn Nghi | 6               | GDCD      |         |
| 80  | Nguyễn Thanh Ngọc Vy   | X  | 1996     | Phan Văn Trị    | 9               | Địa lí    |         |
| 81  | Lê Doãn Cường          |    | 1980     | Huỳnh Văn Nghệ  | 7               | Toán      |         |
| 82  | Nguyễn Thị Thanh Huyền | X  | 1986     | Gò Vấp          | 9               | Ngữ văn   |         |
| 83  | Trần Thị Xuân          | X  | 1987     | Nguyễn Văn Nghi | 7               | Tin học   |         |
| 84  | Lê Thị Diệp            | X  | 1978     | Nguyễn Trãi     | 6               | Ngữ văn   |         |
| 85  | Nguyễn Lê Bảo Yến      | X  | 1988     | Phan Văn Trị    | 9               | Sinh học  |         |
| 86  | Hoàng Hoài Bắc         |    | 1995     | Tân Sơn         | 7               | Công nghệ |         |
| 87  | Đỗ Thị Minh Dung       | X  | 1982     | Phan Văn Trị    | 6               | Công nghệ |         |
| 88  | Võ Thị Thùy            | X  | 1991     | Phan Văn Trị    | 7               | Toán      |         |
| 89  | Đoàn Lê Quốc Thái      |    | 1983     | Nguyễn Trãi     | 7               | Công nghệ |         |

Tổng cộng danh sách có: 89 giáo viên

Gò Vấp, ngày 11 tháng 12 năm 2023

TRƯỜNG PHÒNG  
PHÒNG  
GIÁO DỤC VÀ  
ĐÀO TẠO  
Trịnh Vinh Thanh

VIỆT NAM  
VÀ  
HÀNG  
CHÍNH